

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: **02/2020/KDTM-ST**
Ngày: 30/06/2020
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Lý

Bà Văn Thị Lệ Văn

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Anh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Nhật - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 25, 26, 29 và 30 tháng 06 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2018/TLST-KDTM ngày 03 tháng 7 năm 2018 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXX-ST ngày 05/11/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐ-ST ngày 18/11/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/QĐ-ST ngày 17/12/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐ-ST ngày 07/01/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐ-ST ngày 05/2/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐ-ST ngày 04/03/2020; Thông báo ngày xét xử số 601/TA-DS ngày 16/06/2020, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
Địa chỉ: Đường Đ, quận K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Thanh H – Trưởng phòng giao dịch Đ. (Có mặt)

* Bị đơn: Bà Phí Thị Minh T – Chủ DNTN xăng dầu H.
Địa chỉ: đường A, phường H, tp T, Khánh Hòa. (Vắng mặt)

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông T
Địa chỉ: đường C, phường T, thành phố T, Khánh Hòa.

2. Ông T1
Địa chỉ: đường C, phường T, thành phố T, Khánh Hòa.

3. Bà H,
Địa chỉ: Đường T, phường T, thành phố T, Khánh Hòa.

4. Bà L
Địa chỉ: đường C, phường T, thành phố T, Khánh Hòa.

5. Ông T3,

Địa chỉ: đường C, phường T, thành phố T, Khánh Hòa.

Các ông/bà: T, T1, H, L, T3 ủy quyền cho bà A; Địa chỉ: đường Đ, phường P, thành phố T, Khánh Hòa (*Theo văn bản ủy quyền ngày 16/3/2018*). (Có mặt)

6. Bà Y

Địa chỉ: xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

Bà Y ủy quyền cho bà L1; Địa chỉ: đường C, phường T, thành phố T, Khánh Hòa. (*Theo văn bản ủy quyền ngày 29/01/2015*). (Có mặt)

7. Bà P

Địa chỉ: đường C, phường T, thành phố T, Khánh Hòa.

Bà P ủy quyền cho bà A; Địa chỉ: đường Đ, phường P, thành phố T, Khánh Hòa. (*Theo văn bản ủy quyền ngày 20/3/2018*). (Có mặt)

8. Bà L1

Địa chỉ: đường C, phường T, thành phố T, Khánh Hòa. (Có mặt)

9. Ông T4

Địa chỉ: CA, Hoa Kỳ.

Ông T4 ủy quyền cho bà P; Địa chỉ: đường C, phường T, thành phố T, Khánh Hòa. (*Theo văn bản ủy quyền ngày 23/02/2015*). (Có mặt)

10. Bà Y1

Địa chỉ: đường C, phường T, thành phố T, Khánh Hòa. (Vắng mặt)

11. Phòng công chứng A tỉnh Khánh Hòa;

Địa chỉ: đường T, thành phố T, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

12. Ủy ban nhân dân thành phố T

Trụ sở: Đường T, phường L, thành phố T, Khánh Hòa. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông N – Phó trưởng Phòng Tài nguyên và môi trường thành phố T; ông Đ – Nhân viên Phòng Tài nguyên và môi trường thành phố T. (Vắng mặt)

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:* Ông Nguyễn Anh K, địa chỉ: đường B Khu phố C, phường C, quận Đ, thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Anh K ủy quyền cho bà A; Địa chỉ: đường Đ, phường P, thành phố T, Khánh Hòa. (*Theo văn bản ủy quyền ngày 20/3/2018*). (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bà Lê Thị Thanh H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam trình bày:

Ngày 31/01/2012, bà Phí Thị Minh T - Chủ doanh nghiệp tư nhân xăng dầu H ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (*gọi tắt là Ngân hàng*) Hợp đồng tín dụng số 13/HĐTD/CD và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng ngày 01/02/2013, với nội dung bà Tuyết vay số tiền 3.470.000.000đ (*Ba tỷ bốn trăm bảy mươi triệu đồng*), lãi suất 19%/năm, thời hạn vay 12 tháng. Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho vốn vay của bà Phí Thị Minh T - Chủ doanh nghiệp tư nhân xăng dầu H thì ngày 31/01/2012, bà Y1 thế chấp tài sản của bà Y1 là nhà và đất tọa lạc tại: đường C, phường T, thành phố T cho

Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của bên thứ ba số 13/HĐBĐ/BL/CD với tổng mức dư nợ vay là 3.500.000.000đ (*Ba tỷ năm trăm triệu đồng*). Các Hợp đồng nêu trên đều được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Tính đến ngày 30/06/2020 bà Phí Thị Minh T - Chủ doanh nghiệp tư nhân xăng dầu H còn nợ Ngân hàng số tiền 6.893.002.751đ (*Sáu tỷ tám trăm chín mươi ba triệu không trăm linh hai ngàn bảy trăm năm mươi một đồng*); Trong đó nợ gốc là 3.470.000.000đ (*Ba tỷ bốn trăm bảy mươi triệu đồng*); lãi trong hạn chưa trả 2.314.357.029đ (*Hai tỷ ba trăm mười bốn triệu ba trăm năm mươi bảy ngàn không trăm hai mươi chín đồng*); lãi quá hạn chưa trả 1.108.645.722đ (*Một tỷ một trăm linh tám triệu sáu trăm bốn mươi lăm ngàn bảy trăm hai mươi hai đồng*). Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Phí Thị Minh T - Chủ doanh nghiệp tư nhân xăng dầu H phải trả số nợ trên, nếu bà Phí Thị Minh T - Chủ doanh nghiệp tư nhân xăng dầu H không trả được nợ thì Ngân hàng đề nghị được xử lý tài sản đã thế chấp của bên thứ ba để Ngân hàng thu hồi nợ.

Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật trên cơ sở bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng là người thứ ba ngay tình.

Bị đơn bà Phí Thị Minh T trình bày:

Bà là chủ doanh nghiệp tư nhân xăng dầu H. Ngày 31/01/2012, bà có ký hợp đồng tín dụng số 13/HĐTD/CD vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam số tiền 3.500.000.000đ, lãi suất 19%/năm, thời hạn vay 12 tháng và được bà Y1 thế chấp nhà và đất tọa lạc tại: đường Cầu, phường T, thành phố T để bảo đảm cho vốn vay. Do làm ăn thua lỗ bà không có khả năng thanh toán tiền lãi và gốc nên năm 2014 Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà phải trả nợ lãi và gốc với số tiền 3.717.489.245đ (*Ba tỷ bảy trăm mười bảy triệu bốn trăm tám mươi chín ngàn hai trăm bốn mươi lăm đồng*) và giữa bà với Ngân hàng và bà Y1 đã thống nhất phương án giải quyết, đã được Tòa án nhân dân thành phố T ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Tuy nhiên, sau khi Chi cục thi hành án thành phố T tiến hành phát mãi tài sản bảo đảm để thi hành án thì ông Nguyễn Anh K khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đối với nhà và đất tọa lạc tại: đường C, phường T, thành phố T. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã hủy quyết định công nhận sự thỏa thuận của Tòa án nhân dân thành phố T nên không thể phát mãi tài sản để thi hành án cho đến nay. Hiện nay, bà không có khả năng thanh toán cho Ngân hàng nên đề nghị Ngân hàng phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Về khoản tiền lãi phát sinh từ sau khi Tòa án ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự năm 2014 đến nay bà đề nghị Tòa án và Ngân hàng xem xét miễn giảm cho bà vì giữa bà và bà Y1 đã có thiện chí trả nợ cho Ngân hàng, tuy nhiên việc phát sinh khởi kiện của ông Nguyễn Anh K là nằm ngoài ý muốn chủ quan dẫn đến việc chậm trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng.

Đối với yêu cầu chia tài sản thừa kế của ông Nguyễn Anh K bà không có ý kiến và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Y1 trình bày: Ngày 31/01/2012, bà có ký hợp đồng thế chấp số 13/HĐBĐ/BL/CD thế chấp nhà và

đất tọa lạc tại: đường C, phường T, thành phố T với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Khánh Hòa để bảo đảm cho khoản vay 3.500.000.000đ (*Ba tỷ năm trăm triệu đồng*) của bà Phí Thị Minh T - Chủ doanh nghiệp tư nhân xăng dầu H. Do bà Phí Thị Minh T - Chủ doanh nghiệp tư nhân xăng dầu H không có khả năng thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Phí Thị Minh T - Chủ doanh nghiệp tư nhân xăng dầu H thanh toán tiền gốc và lãi cho Ngân hàng. Trong trường hợp bà Phí Thị Minh T - Chủ doanh nghiệp tư nhân xăng dầu H không có khả năng thanh toán cho Ngân hàng thì bà đồng ý để Ngân hàng xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Về nguồn gốc nhà và đất tọa lạc tại: đường C, phường T, thành phố T là do mẹ bà là bà Phạm Thị H (*chết năm 2006*) để lại, sau đó những người thừa kế của mẹ bà đã làm văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế giao cho bà sở hữu toàn bộ nhà và đất nêu trên nên bà đã được Ủy ban nhân dân thành phố T cấp Giấy chứng quyền sử dụng đối với nhà và đất này. Nay ông Nguyễn Anh K khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế là nhà và đất tọa lạc tại: đường C, phường T, thành phố T bà không đồng ý với yêu cầu của ông Nguyễn Anh K.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Nguyễn Anh K và người đại diện theo ủy quyền bà A trình bày:

Ông Nguyễn Anh K là con của ông Nguyễn Thanh V và bà Y là cháu nội của cụ Phạm Thị H. Nguồn gốc nhà và đất tọa lạc tại: đường C, phường T, thành phố T, tỉnh Khánh Hòa là tài sản của cụ Phạm Thị H; được Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất số 2414/2004 ngày 6/4/2004. Cụ Phạm Thị H có 6 người con gồm: (1). Ông Nguyễn Thanh V (*chết năm 2002*) có vợ là bà Y và 5 người con là anh T4, anh Nguyễn Anh K, chị P, chị L1 và anh T3; (2). Ông T; (3). Bà H; (4). Bà Y1 (5). Ông T1; (6). Bà L.

Ngày 30/7/2006, cụ Phạm Thị H chết không để lại di chúc. Sau khi cụ Phạm Thị H chết thì cô ruột của ông là bà Y1 đã yêu cầu tiến hành họp gia đình và đề nghị tất cả các anh chị em trong gia đình đồng đứng tên chủ sở hữu nhà và đất do bà nội của ông để lại dùng làm nhà từ đường thờ cúng ông bà, cha mẹ và làm nơi ở cho các anh chị em, con cháu trong gia đình. Sau khi tiến hành họp gia đình và thống nhất nội dung trên thì bà Y1 đã không thực hiện đúng theo sự thống nhất của gia đình mà bà Y1 đã liên hệ với Phòng Công chứng A tỉnh Khánh Hòa lập văn bản phân chia di sản thừa kế với nội dung: *“Nhất trí giao cho bà Y1 được trọn quyền thừa hưởng, sử dụng, sở hữu, định đoạt toàn bộ phần di sản thừa kế do bà Phạm Thị H để lại nêu trên”* mà gia đình không ai hay biết, bà Y1 đã làm giấy tờ sang tên chủ sở hữu cho bản thân từ đó cho đến nay, trong khi các cô chú và các anh chị em của ông vẫn đang còn sinh sống trong căn nhà này và thờ cúng ông bà tổ tiên dòng họ từ trước cho đến nay. Bà Y1 giữ toàn bộ giấy tờ nhà và đất nêu trên, không đưa cho gia đình nhằm mục đích chiếm đoạt làm của riêng không chịu chia thừa kế cho ông và các cô, chú, anh, chị em của ông. Căn nhà và đất tọa lạc tại số: đường C, phường T, thành phố T là tài sản của bà nội ông để lại đang đứng trước nguy cơ mất trắng. Các cô chú, anh chị em của ông không có nhà để ở và gia đình của ông không có nơi thờ cúng ông bà, tổ tiên. Khi xác lập Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa

kể nêu trên tại Phòng công chứng A tỉnh Khánh Hòa đã bỏ lọt hàng thừa kế và người thừa kế của bà nội ông là vợ và con của ông Nguyễn Thanh V gồm có: bà Y; ông T4 và ông Nguyễn Anh K. Vào thời điểm xác lập Văn bản thỏa thuận nêu trên thì mẹ của ông đang sinh sống tại Đăk Lăk, còn anh của ông sinh sống tại thành phố Hồ Chí Minh và ông thì đang cải tạo và chữa bệnh tại Trung Tâm cai nghiện ma túy B. Mẹ và anh em ông không hề được hay biết sự việc này, không được ai thông báo về việc thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của bà nội ông đối với nhà và đất tọa lạc tại: số đường C, phường T, thành phố T, Khánh Hòa.

Vì vậy, ông đề nghị Tòa án hủy văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 319, quyển số TK TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 22/9/2006 tại Phòng công chứng A tỉnh Khánh Hòa; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2414/2004 do UBND tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 06/10/2004 cho bà Phạm Thị H và sau đó căn cứ vào văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 319, quyển số TK TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 22/9/2006 tại Phòng công chứng A tỉnh Khánh Hòa để chỉnh lý sang tên cho bà Y1; chia tài sản thừa kế của cụ Phạm Thị H là nhà và đất tọa lạc tại: đường C, phường T, thành phố T, Khánh Hòa cho các đồng thừa kế.

Ông được biết nhà và đất này hiện nay bà Y1 đã thế chấp tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam để đảm bảo cho khoản vay của bà Phí Thị Minh T - Chủ doanh nghiệp tư nhân xăng dầu H. Hiện nay, Ngân hàng đang khởi kiện yêu cầu bà Phí Thị Minh T - Chủ doanh nghiệp tư nhân xăng dầu H trả nợ. Việc bà Y1 dùng nhà và đất tọa lạc tại: đường C, phường T, thành phố T, Khánh Hòa để đảm bảo cho khoản vay của bà Phí Thị Minh T - Chủ doanh nghiệp tư nhân xăng dầu H là trái pháp luật do bà Y1 đã kê khai gian dối để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với nhà và đất này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông bà P, Y, L1, T4 trình bày: Các ông, bà là vợ và con của ông Nguyễn Thanh V, là cháu nội và con dâu của cụ Phạm Thị H. Các ông, bà thống nhất với trình bày và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Anh K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông bà T, L, H, T1, T3 ủy quyền cho bà A trình bày: Các ông, bà là con của bà Phạm Thị H, các ông, bà thống nhất với trình bày và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Anh K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng công chứng A tỉnh Khánh Hòa trình bày:

Ngày 17/8/2006; Phòng công chứng số 1 Khánh Hòa có nhận được Yêu cầu công chứng Phân chia di sản thừa kế nhà và đất tọa lạc tại: đường C, phường T, thành phố T, Khánh Hòa do bà Nguyễn Thị H (*chết ngày 30/07/2006*) để lại (*Phiếu yêu cầu công chứng hợp đồng, giao dịch do Bà Y1 đại diện những người thừa kế ký*).

Qua nghiên cứu hồ sơ do những người thừa kế nộp, Phòng công chứng A Khánh Hòa đã thụ lý và tiến hành các thủ tục: Lập Văn bản phân chia tài sản thừa kế, lấy chữ ký của những người thừa kế và tiến hành niêm yết Thông báo công khai theo quy định tại Trụ sở Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T từ

ngày 21/8/2006 đến ngày 21/9/2006 (30 ngày). Hết thời hạn niêm yết theo quy định không có khiếu nại về tranh chấp đối với tài sản thừa kế, không có khiếu nại, tố cáo về việc bỏ sót người thừa kế (*Biên bản xác minh lập giữa Ủy ban nhân dân phường T với Phòng công chứng hồi 10 giờ 00 phút ngày 22/9/2006*) Phòng công chứng A tỉnh Khánh Hòa đã thực hiện Công chứng Văn bản phân chia tài sản thừa kế nêu trên: số công chứng 319, Quyền TK TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/9/2006. Việc thực hiện Công chứng nêu trên hoàn toàn đúng với quy định pháp luật

Việc xác định người thừa kế của bà Phạm Thị H do những người thừa kế khai nhận và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu cố tình giấu hoặc bỏ sót người thừa kế và trên cơ sở Bản sơ yếu lý lịch của người thừa kế đã được Ủy ban nhân dân phường chứng thực do họ (*người thừa kế*) nộp cho phòng công chứng. Quá trình niêm yết công khai về tài sản thừa kế và người thừa kế không có khiếu nại, thắc mắc nào về việc khai man người thừa kế; khai thiếu (*bỏ sót*) người thừa kế.

Khi ký Văn bản thừa kế có mặt 08 người thừa kế; Họ đã đọc lại toàn bộ nội dung văn bản thừa kế và đồng ý ký tên vào Văn bản thừa kế trên trước sự chứng kiến của Công chứng viên Phòng công chứng A tỉnh Khánh Hòa.

Trong Văn bản phân chia thừa kế có 8 người nhưng có 09 chữ ký là do chị P đã ký nhầm vào trên họ tên của L1 sau đó ký lại bên trên tên mình (P) còn L1 phải ký chữ ký xuống bên dưới họ tên của mình.

Việc ông Nguyễn Anh K yêu cầu hủy “*Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Quý tòa; Phòng công chứng số 1 Khánh Hòa đề nghị Tòa án căn cứ theo pháp luật để phán quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố T trình bày:

Nguồn gốc nhà và đất tọa lạc tại: đường C, phường T, thành phố T được UBND tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 2414/2004 ngày 06/10/2004 cho bà Phạm Thị H theo văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 300, quyền số TK TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/9/2004 do Phòng Công chứng A tỉnh Khánh Hòa chứng thực.

Bà Phạm Thị H chết ngày 30/7/2006 theo giấy chứng tử số 38 quyền 01 do UBND phường T cấp ngày 02/8/2006. Các đồng thừa kế hàng thứ nhất của bà Phạm Thị H đã thống nhất giao cho bà Y1 được trọn quyền thừa hưởng, sử dụng, sở hữu, định đoạt toàn bộ nhà đất đường C, phường T, thành phố T theo Văn bản phân chia tài sản thừa kế số 319, quyền số TK TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/9/2006 do Phòng Công chứng A tỉnh Khánh Hòa chứng thực.

Ngày 27/9/2006, bà Y1 nộp hồ sơ đăng ký nhận thừa kế quyền sử dụng, quyền sở hữu đối với nhà và đất tọa lạc tại: đường C, phường T, thành phố T, tỉnh Khánh Hòa tại “*Một cửa*” - Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố T theo giấy biên nhận số 2006050006030/TTN-TKQ. Ngày 04/10/2006, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố T chỉnh lý thay tên chủ sử dụng, chủ sở hữu đối với nhà và đất tọa lạc tại: đường C, phường T, thành phố T cho bà Y1 sau khi đương sự hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Sau khi xem xét quá trình giải quyết hồ sơ nhà đất nêu trên Ủy ban nhân dân thành phố T nhận thấy:

Bà Phạm Thị H được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2414/2004 tại đường C, phường T, thành phố T. Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố T chỉ thực hiện chỉnh lý, thay tên chủ sử dụng, chủ sở hữu cho bà Y1 theo Văn bản phân chia tài sản thừa kế số 319, quyền số TK TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/9/2006 do Phòng Công chứng A tỉnh Khánh Hòa chứng thực là đúng quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu: Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành đúng các thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm. Căn cứ vào các Điều 299, Điều 323, khoản 2 Điều 133, Điều 652 Bộ luật dân sự 2015; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng:**

Ngày 27/01/2015, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa thụ lý vụ án dân sự sơ thẩm số 01/2015/TLST-DS, về việc: “*Yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và chia di sản thừa kế*”. Ngày 03/07/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa thụ lý vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2018/TLST-KDTM, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Ngày 09/07/2018 Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định nhập vụ án số 03/2018/QĐ-NVA để nhập vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 01/2015/TLST-DS ngày 27/01/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, về việc: “*Yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và chia di sản thừa kế*” vào vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 01/2018/TLST-KDTM ngày 03/07/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. (Mục 4 phần IV Văn bản Số: 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân Tối cao)

Bị đơn, bà Phí Thị Minh T - Chủ doanh nghiệp tư nhân xăng dầu H, Ủy ban nhân dân thành phố T, Phòng công chứng số 01 tỉnh Khánh Hòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà Y1 vắng mặt tại phiên tòa và đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo qui định tại khoản 1 Điều 202 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

*** Về nội dung:**

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa có cơ sở để kết luận rằng: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Ngân hàng) với bà Phí Thị Minh T - Chủ DNTN xăng dầu H có ký kết Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 13/HĐTD/CĐ ngày 31/01/2012 và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng ngày 01/02/2013, với nội dung: Ngân hàng cho

bà Phí Thị Minh T - Chủ DNTN xăng dầu H vay số tiền là 3.470.000.000đ (*Ba tỷ bốn trăm bảy mươi triệu đồng*), thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất khi vay là 19%/năm, lãi suất phạt quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn tương ứng, mục đích vay là để bổ sung vốn kinh doanh xăng dầu nhớt.

Các bên giao kết hợp đồng vay tài sản một cách tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Đây là hợp đồng hợp pháp, các bên phải tôn trọng và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

Về việc yêu cầu lãi suất tiền vay, nguyên đơn yêu cầu thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, Hội đồng xét xử xét thấy: Khi giao kết hợp đồng tín dụng, các bên hoàn toàn tự nguyện thỏa thuận về lãi suất tiền vay phù hợp quy định của pháp luật tại thời điểm vay và đã ghi nhận trong hợp đồng. Vì vậy, các bên phải tiếp tục thực hiện theo hợp đồng đã giao kết. Số tiền lãi mà Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam yêu cầu bà Phí Thị Minh T - Chủ DNTN xăng dầu H phải thanh toán 3.423,002,751đ (*Ba tỷ bốn trăm hai mươi ba triệu không trăm lẻ hai ngàn bảy trăm năm mươi một đồng*) là phù hợp với lãi suất và thời hạn chưa thanh toán của bà Phí Thị Minh T - Chủ DNTN xăng dầu H.

Tính đến hết ngày 30/06/2020, bà Phí Thị Minh T - Chủ DNTN xăng dầu H còn nợ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam số tiền là 6.893.002.751đ (*Sáu tỷ tám trăm chín mươi ba triệu không trăm linh hai ngàn bảy trăm năm mươi một đồng*), trong đó nợ gốc là 3.470.000.000đ (*Ba tỷ bốn trăm bảy mươi triệu đồng*), nợ lãi gồm: lãi trong hạn chưa trả 2.314.357.029đ (*Hai tỷ ba trăm mười bốn triệu ba trăm năm mươi bảy ngàn không trăm hai mươi chín đồng*); lãi quá hạn chưa trả 1.108.645.722đ (*Một tỷ một trăm linh tám triệu sáu trăm bốn mươi lăm ngàn bảy trăm hai mươi hai đồng*). Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà Phí Thị Minh T - Chủ DNTN xăng dầu H thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà Phí Thị Minh T - Chủ DNTN xăng dầu H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Như vậy, bà Phí Thị Minh T - Chủ DNTN xăng dầu H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận tại Điều 3, Điều 6 của hợp đồng tín dụng, Điều 91 và khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam buộc bà Phí Thị Minh T - Chủ DNTN xăng dầu H phải trả các khoản nợ gốc và lãi nêu trên là có căn cứ, phù hợp với sự thỏa thuận của các bên và phù hợp với qui định của pháp luật.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc phát mãi tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay là nhà và đất đường C, phường T, thành phố T, tỉnh Khánh Hòa được UBND tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 2414/2004 ngày 06/10/2004 cho cụ Phạm Thị H. Cụ Phạm Thị H chết ngày 30/7/2006. Các đồng thừa kế hàng thứ nhất của cụ Phạm Thị H đã thống nhất giao cho bà Y1 được trọn quyền thừa hưởng, sử dụng, sở hữu, định đoạt toàn bộ nhà và đất đường C, phường T, thành phố T, tỉnh Khánh Hòa theo văn bản phân chia tài sản thừa kế số 319, quyền số TK TP/CC-SCC/HĐGD ngày 22/9/2006 do Phòng công chứng A tỉnh Khánh Hòa công chứng. Ngày 04/10/2006, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố T chỉnh lý thay tên chủ sử dụng, chủ sở hữu đối với nhà và đất đường C, phường T,

thành phố T, tỉnh Khánh Hòa là bà Y1 để thu hồi nợ trong trường hợp bà Phí Thị Minh T - Chủ DNTN xăng dầu H không trả được nợ. Hội đồng xét xử xét thấy: Tài sản này bà Y1 đã thế chấp cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 13/HĐBĐ/BL/CD ngày 31/01/2012 với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa, được công chứng tại Văn phòng công chứng N ngày 31/01/2012; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bà Y1 với Ngân hàng tuân thủ đúng quy định pháp luật nên Hợp đồng này có hiệu lực pháp luật. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng là có căn cứ, phù hợp với thỏa thuận của hai bên qui định tại Điều 4 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 13/HĐBĐ/BL/CD ngày 31/01/2012; Điều 10 Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 13/HĐTD/CD ngày 31/01/2012 và các qui định tại Điều 56, Điều 58 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm nên được chấp nhận.

Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Anh K về việc: hủy văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 319, quyền số TK TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 22/9/2006 tại Phòng công chứng A tỉnh Khánh Hòa và chia tài sản thừa kế của cụ Phạm Thị H là nhà và đất tọa lạc tại đường C, phường T, thành phố T, Khánh Hòa cho các đồng thừa kế. Hội đồng xét xử xét thấy, nguồn gốc nhà và đất tọa lạc tại đường C, phường T, thành phố T, tỉnh Khánh Hòa được UBND tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 2414/2004 ngày 06/10/2004 cho bà Phạm Thị H, theo văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 300, quyền số TK TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/9/2004 do Phòng Công chứng số 01 tỉnh Khánh Hòa chứng thực. Cụ Phạm Thị H chết ngày 30/7/2006 không để lại di chúc và có 6 người con gồm: (1). Ông Nguyễn Thanh V (*chết năm 2002*) nên người được hưởng thừa kế thế vị là 05 người con của ông Nguyễn Thanh V (*anh T4, anh Nguyễn Anh K, chị P, chị L1 và anh T3*); (2). Ông T; (3). Bà H; (4). Bà Y1 (5). Ông T1; (6). Bà L. Cụ Phạm Thị H chết không để lại di chúc. Ngày 22/9/2006, tại Phòng công chứng A tỉnh Khánh Hòa, con cháu cụ Phạm Thị H thống nhất lập Văn bản phân chia tài sản thừa kế, chia di sản của cụ Phạm Thị H. Nội dung Văn bản phân chia tài sản thừa kế thể hiện: 5 người con của cụ Phạm Thị H (*ông T, bà H, bà Y1, ông T1 và bà L*) cùng 03 người con của ông Nguyễn Thanh V (*chị P, anh T3 và chị L1*) thống nhất xác định di sản của cụ Phạm Thị H và nhất trí giao cho bà Y1 được trọn quyền sở hữu toàn bộ di sản thừa kế do bà Phạm Thị H để lại mà thiếu 02 người con được hưởng thừa kế thế vị của ông Nguyễn Thanh V (*anh T4, anh Nguyễn Anh K*) là vi phạm quy định của pháp luật nên việc anh Nguyễn Anh K yêu cầu Tòa án hủy văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 319, quyền số TK TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 22/9/2006 tại Phòng công chứng A tỉnh Khánh Hòa và chia tài sản thừa kế của cụ Phạm Thị H là nhà và đất tọa lạc tại đường C, phường T, thành phố T, Khánh Hòa cho các đồng thừa kế là có cơ sở cần phải chấp nhận.

Bởi vì, nhà và đất tọa lạc tại đường C, phường T, thành phố T, Khánh Hòa đã được chỉnh lý sang tên cho bà Y1 và bà Y1 đã đem thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo cho vốn vay 3.500.000.000đ (*Ba tỷ năm trăm triệu đồng*) của

bà Phí Thị Minh T - Chủ DNTN xăng dầu H nên bà Y1 được nhận tài sản thừa kế của cụ Phạm Thị H là nhà và đất tọa lạc tại đường C, phường T, thành phố T, Khánh Hòa và có trách nhiệm thanh toán lại bằng tiền đối với kỹ phần của các đồng thừa kế (ông T, bà H, ông T1, bà L) cũng như các thừa kế thế vị của ông Nguyễn Thanh V được hưởng theo quy định của pháp luật.

Theo biên bản định giá tài sản lập ngày 08/10/2019 của Hội đồng định giá và đã được toàn bộ các đương sự có mặt tại phiên tòa đồng ý thì tổng giá trị nhà và đất tọa lạc tại đường C, phường T, thành phố T, Khánh Hòa:

$13.652.141.000\text{đ} (\text{giá trị tài sản đất}) + \{146,98\text{m}^2 \times 1.787.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 40\% = 105.061.304\text{đ} (\text{giá trị tài sản trên đất})\} = 13.757.202.304\text{đ}$. Do đó, bà Y1 phải thanh toán lại bằng tiền theo các kỹ phần của từng thừa kế được hưởng cụ thể như sau:

Bà Y1 phải thanh toán cho Ông T, bà H, ông T1 và bà L mỗi người được hưởng di sản thừa kế của cụ Phạm Thị H theo mỗi một kỹ phần với số tiền là: $(13.757.202.304\text{đ} : 06) = 2.292.867.000\text{đ} (\text{Làm tròn})$.

Ông Nguyễn Thanh V được hưởng một kỹ phần di sản thừa kế của cụ Phạm Thị H với số tiền 2.292.867.000đ. Do ông Nguyễn Thanh V (chết 2002), cụ Phạm Thị H (chết 2006) nên thừa kế thế vị của ông Nguyễn Thanh V bao gồm: anh T4, anh Nguyễn Anh K, chị P, chị L1 và anh T3 được hưởng kỹ phần thừa kế của ông Nguyễn Thanh V. Do đó, bà Y1 phải thanh toán cho các thừa kế thế vị của ông Nguyễn Thanh V mỗi người được hưởng di sản thừa kế của cụ Phạm Thị H với số tiền là $(2.292.867.000\text{đ} : 05) = 458.573.400\text{đ}$.

Đối với yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2414/2004 do UBND tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 06/10/2004 cho cụ Phạm Thị H và sau đó căn cứ vào văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 319, quyền số TK TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 22/9/2006 tại Phòng công chứng A tỉnh Khánh Hòa để chỉnh lý sang tên cho bà Y1 của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Nguyễn Anh K. Hội đồng xét xử xét thấy, việc cấp và chỉnh lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên là đúng quy định của pháp luật. Mặt khác, bà Y1 đã thế chấp toàn bộ tài sản là nhà và đất tọa lạc tại: đường C, phường T, thành phố T, Khánh Hòa cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam để đảm bảo cho vốn vay 3.500.000.000đ của bà Phí Thị Minh T - Chủ DNTN xăng dầu H và hợp đồng thế chấp đã tuân thủ đúng quy định pháp luật nên bà Y1 phải có trách nhiệm thanh toán cho các thừa kế giá trị bằng tiền đối với kỹ phần thừa kế được hưởng theo quy định của pháp luật. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu hủy quyết định cá biệt nêu trên.

Về án phí:

Số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm mà bà Phí Thị Minh T - Chủ DNTN xăng dầu H phải nộp $112.000.000\text{đ} + (0,1\% \times 2.893.002.751\text{đ}) = 114.893.002\text{đ}$

Số tiền án phí dân sự sơ thẩm mà bà Y1, ông T, bà H, ông T1 và bà L mỗi người phải nộp: $72.000.000\text{đ} + (292.867.000\text{đ} \times 2\%) = 77.857.340\text{đ}$

Số tiền án phí dân sự mà anh T4, chị P, chị L1 và anh T3 mỗi người phải nộp: $20.000.000\text{đ} + (58.573.400\text{đ} \times 4\%) = 22.342.920\text{đ}$

Số tiền án phí dân sự mà anh Nguyễn Anh K phải nộp 22.342.920đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2010/0003886 ngày 23/01/2015 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Do vậy, anh Nguyễn Anh K còn phải nộp 7.342.920đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam số tiền tạm ứng án phí là 51.304.000đ (*Năm mươi một triệu ba trăm lẻ bốn ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2010/0008938 ngày 17/01/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 56, Điều 58 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ vào Điều 674, Điều 675, Điều 676, Điều 677 và Điều 685 Bộ luật dân sự 2005; Điều 34, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

1.1. Buộc bà Phí Thị Minh T - Chủ DNTN xăng dầu H phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam số tiền là 6.893.002.751đ (*Sáu tỷ tám trăm chín mươi ba triệu không trăm linh hai ngàn bảy trăm năm mươi một đồng*), trong đó nợ gốc là 3.470.000.000đ (*Ba tỷ bốn trăm bảy mươi triệu đồng*), nợ lãi là 3.423.002.751đ (*Ba tỷ bốn trăm hai mươi ba triệu không trăm lẻ hai ngàn bảy trăm năm mươi một đồng*) theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 13/HĐTD/CD và Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng ngày 01/02/2013 đã được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với bà Phí Thị Minh T - Chủ DNTN xăng dầu H là 28,5%/năm tính từ ngày 30/06/2020 cho đến khi bà Phí Thị Minh T - Chủ DNTN xăng dầu H trả hết nợ gốc cho Ngân hàng.

1.2. Trong trường hợp bà Phí Thị Minh T - Chủ DNTN xăng dầu H không thanh toán số nợ trên thì áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên, bán tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay là bất động sản tọa lạc tại: đường C, phường T, thành phố T, Khánh Hòa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2414/2004 do UBND tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 06/10/2004 cho bà Phạm Thị H và đã chính lý sang tên cho bà Y1 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Nguyễn Anh K

2.1. Hủy văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số 319, quyển số TK TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 22/9/2006 tại Phòng công chứng A tỉnh

Khánh Hòa đối với nhà và đất tọa lạc tại: số đường C, phường T, thành phố T, Khánh Hòa.

2.2. Chia tài sản thừa kế của cụ Phạm Thị H là nhà và đất tọa lạc tại đường C, phường T, thành phố T, Khánh Hòa cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật cụ thể như sau:

Bà Y1 được sở hữu toàn bộ nhà và đất tọa lạc tại: đường C, phường T, thành phố T, Khánh Hòa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2414/2004 do UBND tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 06/10/2004 cho bà Phạm Thị H và đã chỉnh lý sang tên cho bà Y1.

Bà Y1 phải thanh toán cho ông T, bà H, ông T1 và bà L mỗi người với số tiền 2.292.867.000đ (*Hai tỷ hai trăm chín mươi hai triệu tám trăm sáu mươi bảy ngàn đồng*).

Bà Y1 phải thanh toán cho ông T4, ông Nguyễn Anh K, bà P, bà L1 và ông T3 mỗi người với số tiền 458.573.400đ (*Bốn trăm năm mươi tám triệu năm trăm bảy mươi ba ngàn bốn trăm đồng*).

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Nguyễn Anh K về việc hủy quyết định cá biệt (*Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2414/2004 do UBND tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 06/10/2004 cho bà Phạm Thị H và đã chỉnh lý sang tên cho bà Y1*).

4. Về án phí:

Số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm mà bà Phí Thị Minh T - Chủ DNTN xăng dầu H phải nộp 114.893.000đ.

Số tiền án phí dân sự sơ thẩm mà bà Y1, ông T, bà H, ông T1 và bà L mỗi người phải nộp 77.857.340đ

Số tiền án phí dân sự mà anh T4, anh Nguyễn Anh K, chị P, chị L1 và anh T3 mỗi người phải nộp 22.342.920đ.

Số tiền án phí dân sự mà anh Nguyễn Anh K còn phải nộp là 7.342.920đ. Anh Nguyễn Anh K không phải chịu án phí về việc đề nghị hủy quyết định cá biệt.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam số tiền tạm ứng án phí là 51.304.000đ (*Năm mươi một triệu ba trăm lẻ bốn ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2010/0008938 ngày 17/01/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Quy định: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự

vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai để đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu: Tòa DS, VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Đình Thanh